

Số: /BC-UBND

Hà Quảng, ngày tháng 11 năm 2022

## BÁO CÁO

### Tổng kết đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Hà Quảng

Thực hiện Công văn số 2628/SNN-CCTL, ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng, về việc tổng kết, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn.

UBND huyện Hà Quảng báo cáo đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện như sau:

#### I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT

##### 1. Đặc điểm chung

Hà Quảng là huyện vùng cao biên giới, nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng, sau sáp nhập tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Hà Quảng là 810,96 km<sup>2</sup>. Toàn huyện có 19 xã, 02 thị trấn, trong đó có 16 xã đặc biệt khó khăn, với dân số trên 59 ngàn người, có 05 dân tộc chính: Nùng, Tày, Mông, Dao và Kinh cùng sinh sống. Trong những năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định; kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện tiếp tục phát triển; đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, Hà Quảng là huyện nghèo, vùng cao, biên giới nên còn gặp nhiều khó khăn, đường giao thông nông thôn; tỉ lệ hộ nghèo còn cao chiếm 38,92%, quy mô nền kinh tế nhỏ, kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu, nguồn lực đầu tư còn hạn hẹp.

Địa hình bị chia cắt bởi các dãy núi cao dựng đứng, giao thông đi lại giữa các cụm dân cư còn gặp nhiều khó khăn. Huyện được phân chia thành hai tiểu vùng:

Vùng thấp có 11 xã và 02 thị trấn, là vùng có các thung lũng tương đối bằng phẳng, có nhiều sông suối, đất canh tác chủ yếu trồng lúa nước và cây thuốc lá. Trong đó các xã, thị trấn đều có xóm vùng cao, vùng sâu điều kiện nước sinh hoạt, nước sản xuất canh tác rất khó khăn;

Vùng cao gồm 8 xã (còn gọi là vùng cao Lục Khu) đây là các xã đặc biệt khó khăn, không có nước sản xuất, nguồn nước sinh hoạt chủ yếu bằng nước mưa, canh tác chủ yếu trên đất nương rẫy có độ dốc lớn (trồng cây ngô, lạc là chủ yếu).

##### 2. Thực trạng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện

- Hiện nay trên địa bàn huyện Hà Quảng có 415 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bao gồm 20 hồ vãi địa; 139 công trình cấp nước thuộc hệ tự chảy; 8 công trình thuộc hệ thống bơm dẫn, có 248 bể công cộng. Ngoài ra còn có khoảng (10.847 bể lu), (6.330 bể vuông) để cung cấp cho hơn 58.000 người.

- Tình hình hoạt động các công trình cấp nước trên địa bàn huyện:

+ Có 28 công trình không hoạt động chiếm 7,95% (24 công trình thuộc hệ tự chảy; 4 bể công cộng).

+ Có 51 công trình hoạt động kém hiệu quả chiếm 12,28% (33 công trình thuộc hệ tự chảy; 18 bể công cộng).

+ Có 309 công trình hoạt động bình thường chiếm 74,45%.

+ Có 22 công trình hoạt động bền vững chiếm 5,3%.

- Thực trạng quản lý các công trình nước sinh hoạt nông thôn:

+ Trên địa bàn huyện Hà Quảng có 415 công trình cấp nước tập trung trong đó có 3 công trình nước sinh hoạt tập trung do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành và có thu phí sử dụng nước của người dân; có 02 công trình do hợp tác xã quản lý, khai thác có thu tiền nước; 04 công trình thành lập tổ quản lý có thu phí sử dụng nước. Còn lại các công trình UBND các xã, thị trấn giao cho cộng đồng, xóm người hưởng lợi trực tiếp quản lý không thu phí sử dụng nước.

+ Việc tổ chức, sắp xếp mô hình quản lý, phân cấp các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Hà Quảng được thực hiện theo Quyết định số 480/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Đa đa số các công trình trên địa bàn huyện sau đầu tư bàn giao cho xóm, người hưởng lợi trực tiếp quản lý, khai thác, vận hành. Còn một số công trình có kỹ thuật vận hành phức tạp sau đầu tư được giao cho Công ty hoặc Hợp tác xã quản lý, khai thác và vận hành có thu phí sử dụng nước của người dân.

+ Còn đối với các công trình nước sạch được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình "mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn ngân hàng thế giới các công trình này sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, UBND các xã đã thành lập tổ quản lý và xây dựng quy chế hoạt động, ban hành định mức thu tiền nước.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN**

### **1. Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật**

- Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật luôn thực hiện thường xuyên, hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch phòng chống hạn hán, thiếu nước, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn trong công tác quản lý, khai thác các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Luôn xác định tuyên truyền, giáo dục là công cụ hữu hiệu nhất để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình nước sinh hoạt sau đầu tư. Tuyên truyền lồng ghép vào chương trình hội nghị, kế hoạch trong lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn và các hội nghị giao ban hàng tháng của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, nâng cao nhận thức cho người dân về quyền và nghĩa vụ trong quản lý sử dụng nguồn nước. Ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ công trình theo quy định của pháp luật.

## **2. Đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của các quy định của pháp luật có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn**

- Mặc dù hiện nay hệ thống văn bản quy định của pháp luật có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn đã có các Thông tư, Nghị định, Quyết định quy định về nước sinh hoạt nông thôn. Tuy nhiên các quy định trên vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa tạo ra chuỗi liên hoàn gắn kết trách nhiệm đối với các cơ quan quản lý, dẫn đến tình trạng vẫn còn “đùn đẩy” lẫn nhau, hoặc “cha chung không ai khóc”; ý thức của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng không được đảm bảo.

- Nhiều văn bản, chính sách thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất về một đầu mối, dẫn đến việc quản lý, giám sát chất lượng các công trình nước sinh hoạt sau đầu tư; việc quản lý, khai thác nước, bảo vệ nguồn nước; việc phân phối, tiêu thụ nước sạch đến các hộ dân gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế, ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, kém phát triển, các địa phương gặp nhiều bất lợi trong việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm về bảo vệ chất lượng nguồn nước.

## **3. Các nội dung quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc có điều chỉnh nhưng chưa rõ**

- Chính sách xây dựng chưa được phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương hiện nay là chưa dựa trên số liệu của Bộ Chỉ số theo dõi – Đánh giá nước sạch hàng năm, chưa có chương trình về xử lý, trữ nước hộ gia đình phù hợp với giá thành phù hợp cho người nông dân nông thôn. Chính sách chưa cụ thể cho vùng miền. Thiếu sự hướng dẫn về duy trì bền vững các công trình cấp nước tập trung nông thôn hoặc quy định tính bền vững an toàn về dịch vụ, bao gồm khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, trách nhiệm giữa người sử dụng, nhà cung cấp dịch vụ và chính quyền chưa cụ thể.

- Chưa có văn bản quy phạm quy định hướng dẫn quy trình thực hiện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc lập và phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ THÁCH THỨC**

### **1. Đánh giá chung kết quả đạt được của việc thực hiện các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn**

- Hệ thống các văn bản về quản lý, điều hành và các văn bản được ban hành và hướng dẫn trong những năm qua là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan đơn vị địa phương triển khai thực hiện.

- Các ban ngành đoàn thể địa phương thường xuyên phối kết hợp chặt chẽ để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ, khai thác và sử dụng các công trình nước sinh hoạt nông thôn một cách hợp lý.

- Hệ thống công trình cấp nước tập trung nông thôn các xã trên địa bàn huyện được quan tâm đầu tư.

- Công tác, kiểm tra, giám sát về quản lý, khai thác các công trình nước sinh hoạt nông thôn thường xuyên được các cấp triển khai, thực hiện. Công tác cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn huyện được thực hiện hàng năm.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

- Hệ thống các văn bản quy định mặc dù đã có nhưng vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với thực tế ở từng địa phương, chưa tạo ra chuỗi liên hoàn gắn kết trách nhiệm đối với các cơ quan quản lý, dẫn đến tình trạng vẫn còn “đùn đẩy” lẫn nhau.

- Hà Quảng là huyện nghèo, xuất phát điểm của huyện thấp, địa hình chia cắt, dân cư sống phân tán, trình độ dân trí không đồng đều và nhận thức của người dân về các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực nước sinh hoạt còn nhiều hạn chế nên việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn.

- Mặc dù Nghị định có quy định chính sách hỗ trợ về giá nước sạch cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình chính sách xã hội và người dân tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận với nước sạch. Tuy nhiên do nguồn kinh phí địa phương không có nên chính sách này vẫn chưa được thực hiện trên địa bàn huyện.

## **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Một số cấp uỷ, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa, nội dung của các quy định, chưa thật sự vào cuộc chỉ đạo quyết liệt trong triển khai thực hiện các nội quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- Hiện nay Nhà nước đã có chính sách khuyến khích xã hội hoá về nước sạch nông thôn tại địa phương, chính sách cấp bù giá nước nhưng người dân còn có tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước. Do đời sống của người dân còn nhiều khó khăn nên việc huy động xã hội hoá nguồn kinh phí để sửa chữa các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện chưa thực hiện được

- Do nhận thức của nhiều hộ dân chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của nguồn nước sạch đối với chất lượng cuộc sống và sức khỏe.

## **4. Giải pháp để thực hiện các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn**

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chú trọng tuyên truyền về các chủ trương, cơ chế, chính sách, một cách sâu rộng đến mọi cán bộ và người dân nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý, vận hành các công trình nước sinh hoạt nông thôn trên bàn huyện.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán.

- Để các công trình xây dựng phát huy được hiệu quả chính quyền xã, người được thụ hưởng phải có tiếp tục ban hành quy chế vận hành, thành lập tổ quản lý và khai thác các công trình một cách hợp lý, hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý, giám sát an ninh nguồn nước, an toàn cấp nước và vệ sinh nông thôn.

#### **IV. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG XÂY DỰNG MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

- Xây dựng văn bản quy phạm quy định hướng dẫn quy trình thực hiện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc lập và phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước nông thôn, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân một cách bền vững.

- Trong Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, tuy đã xác định rõ các tiêu chí nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhưng trên thực tế gần như 100% các xã không có đầu tư cấp nước sạch cho người dân. Vì vậy, cần có hướng dẫn thực hiện cho chính quyền địa phương các cấp cụ thể phần ngân sách cho nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (trích trong tổng ngân sách xây dựng nông thôn mới của mỗi xã dành khoảng 5% cho nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân).

- Cần có hướng dẫn cho các mô hình cấp nước quy mô nhỏ (cụm dân cư, trường học do đơn vị quản lý phi lợi nhuận) xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn chống thất thoát nước và xây dựng tiêu chí đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ kinh phí quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi nhằm đảm bảo các công trình sau đầu tư phát huy hiệu quả và bền vững.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định có liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn của UBND huyện Hà Quảng./.

***Nơi nhận:***

- Sở NN&PTNT tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Cao Bằng;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN (Tâm, Giang, Bắc).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Triệu Đình Dũng**

